

VN-INDEX

1,689.84

▼ -16.07 (-0.94%)

GTKL (TỶ)

11,351

SO TB20

-6.3%

NN (TỶ)

-799.5

VN30

1,839.18

▼ -16.23 (-0.87%)

GTKL (TỶ)

6,691

SO TB20

-6.4%

NN (TỶ)

-588.5

HNX-INDEX

257.91

▼ -1.22 (-0.47%)

GTKL (TỶ)

774

SO TB20

+17.1%

NN (TỶ)

-46.0

UPCOM-INDEX

125.02

▲ +0.15 (+0.12%)

GTKL (TỶ)

333

SO TB20

-25.8%

NN (TỶ)

-7.4

Nhận định thị trường

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

Lực cầu trong phiên sáng giúp VN-Index tăng lên vùng 1,721 điểm, trước khi áp lực bán gia tăng trong phiên chiều đẩy chỉ số lùi về đóng cửa tại 1,689.84 điểm, giảm 16.07 điểm (-0.94%) so với phiên trước. Dù chỉ số đánh mất mốc 1,700 điểm, độ rộng thị trường lại nghiêng về phía tích cực với 162 mã tăng / 133 mã giảm cùng 12/18 ngành tăng điểm. Trong đó, ngành Ô tô & Phụ tùng dẫn đầu đà tăng, theo sau là Dầu khí và Du lịch & Giải trí. Ở chiều ngược lại, ngành Bất động sản giảm mạnh nhất, chủ yếu do áp lực điều chỉnh từ bộ đôi VIC (-10.22 điểm) và VHM (-0.95 điểm) — hai cổ phiếu chiếm tới gần 70% số điểm giảm của VN-Index phiên hôm nay. Về giao dịch khối ngoại, khối này tiếp tục bán ròng trên cả ba sàn HOSE, HNX và UPCoM. Mặc dù VN-Index giảm điểm do sức ép từ nhóm vốn hóa lớn, sắc xanh lan tỏa ở đa số nhóm ngành cho thấy tâm lý thị trường chung chưa quá bi quan. Hiện chỉ số đã lùi sát dải dưới Bollinger Bands (1,680 điểm), trong khi RSI (29.54) rơi vào vùng quá bán. Trong các phiên tới, VN-Index có thể cân bằng quanh vùng 1,670 – 1,680 điểm và tạo nhịp hồi phục kỹ thuật hướng về mốc 1,700 điểm khi áp lực bán tại nhóm cổ phiếu trụ chứng lại.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL VN30 đều giảm cùng chiều với nhịp vận động của chỉ số VN30, ngoại trừ VN30F2M.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch 19/10/2026, phần lớn các chứng quyền biến động theo xu hướng suy yếu của cổ phiếu cơ sở.

Điểm nhấn

- VN-Index **-16.07** điểm, đóng cửa tại 1,689.84 điểm. HNX-Index **-1.22** điểm, đóng cửa tại 257.91 điểm. UPCoM-Index **+0.15** điểm, đóng cửa tại 125.02 điểm.
- Kéo chỉ số tăng: BSR (**+0.52**), VPL (**+0.37**), MSN (**+0.30**), GAS (**+0.30**), LPB (**+0.28**).
- Kéo chỉ số giảm: VIC (**-12.85**), VCB (**-1.21**), VHM (**-1.19**), VPB (**-1.03**), HPG (**-0.61**).
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 11,351 tỷ đồng, tăng 14.26% so với phiên trước và thấp hơn 6.3% so với trung bình 20 phiên. Tổng giá trị giao dịch đạt 13,382 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 31.6 điểm. Sàn HOSE có 161 mã tăng (9 mã trần), 109 mã tham chiếu, 132 mã giảm (1 mã sàn).
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-799.52** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm VCB (**-103.66** tỷ), VHM (**-101.83** tỷ), ACB (**-92.84** tỷ), VIC (**-72.25** tỷ), FPT (**-42.11** tỷ). Đây là phiên bán ròng thứ 19 liên tiếp; lũy kế từ đầu năm khối ngoại bán ròng **-119,044** tỷ đồng trên HOSE.
- Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-46.02** tỷ đồng và bán ròng trên sàn UPCoM với giá trị **-7.40** tỷ đồng.

Giao dịch khối ngoại

CẢ 3 SÀN

TOP MUA	TỶ VND	TOP BÁN	TỶ VND
FRT	150.96	VCB	-103.66
MBB	55.16	VHM	-101.83
BVH	38.72	ACB	-92.84
TCB	26.35	VJC	-72.25
SSI	24.76	FPT	-42.11

HOSE lũy kế năm: **-119,044** tỷ 19 phiên bán ròng liên tiếp

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

	ĐIỂM	%D	%W
SPX	7,719	-1.11%	-1.06%
FTSE100	10,725	+0.70%	+2.55%
Eurostoxx	6,190	+0.38%	+0.16%
Shanghai	3,707	-1.59%	-2.74%
Nikkei	64,426	-4.90%	-8.01%

Nguồn: Yahoo Finance, BSC tổng hợp

Liên thị trường

	GIÁ TRỊ	%D	%W
Giá dầu Brent	108.48	-1.26%	+1.72%
Giá vàng	4,173	+0.17%	+0.01%
USD/VND	25,898	+0.05%	-0.13%
EUR/VND	29,033	-0.17%	+0.38%
JPY/VND	164	-0.06%	+0.18%
VN LS TPCP 10Y	4.47%	+0.1 bps	+0.8 bps
VN LS LNH 1M	5.45%	+30.0 bps	+50.0 bps

Nguồn: Bloomberg, BSC tổng hợp. Lãi suất: thay đổi theo điểm cơ bản.



Mở tài khoản tại
BSC

Quét mã QR để mở tài
khoản chứng khoán trực
tuyến.

Mục lục

Tổng quan	1
Thống kê thị trường	2
Biểu đồ & dòng tiền	3
Danh mục BSC30	4
Danh mục BSC50	5
Báo cáo gần đây	6
Khuyến cáo sử dụng	7

Thống kê thị trường

Top 5 tác động tăng VN-Index

MÃ	GIÁ	%NGÀY	INDEX PT	KLGD (TR.CP)
BSR	28.85	+1.76%	+0.52	4.94
VPL	80.00	+1.27%	+0.37	0.76
MSN	72.40	+1.40%	+0.30	4.20
GAS	76.70	+0.79%	+0.30	0.54
LPB	38.45	+1.18%	+0.28	1.34

Top 5 tác động tăng HNX-Index

MÃ	GIÁ	%NGÀY	INDEX PT	KLGD (TR.CP)
KSV	117.90	+2.70%	+0.48	0.04
SHS	12.50	+1.63%	+0.19	19.98
PVS	31.80	+1.27%	+0.15	1.69
MBS	15.40	+1.99%	+0.13	3.67
HUT	12.30	+0.82%	+0.08	16.01

Top 5 tác động tăng VN30

MÃ	GIÁ	%NGÀY	INDEX PT	KLGD (TR.CP)
MSN	72.40	+1.40%	+1.43	4.20
LPB	38.45	+1.18%	+0.85	1.34
MWG	74.20	+0.41%	+0.54	2.50
SSI	19.80	+1.80%	+0.51	25.99
VRE	23.05	+0.88%	+0.30	2.27

Top 5 tăng mạnh nhất HOSE

MÃ	GIÁ	%NGÀY	KLGD (TR.CP)
SMA	6.88	+7.00%	0.00
COM	28.45	+6.95%	0.00
TNH	7.24	+6.94%	0.28
L10	23.90	+6.94%	0.00
TNC	29.30	+6.93%	0.00

Top 5 tăng mạnh nhất HNX

MÃ	GIÁ	%NGÀY	KLGD (TR.CP)
PPP	19.80	+10.00%	0.00
PLC	20.70	+9.52%	0.68
SGH	19.60	+9.50%	0.00
MEL	7.00	+9.38%	0.00
PPE	20.40	+9.09%	0.00

Top 5 tác động giảm VN-Index

MÃ	GIÁ	%NGÀY	INDEX PT	KLGD (TR.CP)
VIC	207.00	-3.72%	-12.85	2.13
VCB	56.20	-1.23%	-1.21	4.33
VHM	60.30	-1.15%	-1.19	7.48
VPB	24.00	-2.04%	-1.03	36.80
HPG	20.55	-1.67%	-0.61	15.72

Top 5 tác động giảm HNX-Index

MÃ	GIÁ	%NGÀY	INDEX PT	KLGD (TR.CP)
NVB	13.30	-3.62%	-1.14	2.16
KSF	74.20	-0.93%	-0.30	0.09
NTP	51.80	-2.63%	-0.10	0.45
PGS	82.00	-2.38%	-0.08	0.00
CEO	10.90	-0.91%	-0.06	7.76

Top 5 tác động giảm VN30

MÃ	GIÁ	%NGÀY	INDEX PT	KLGD (TR.CP)
VIC	207.00	-3.72%	-7.12	2.13
HPG	20.55	-1.67%	-2.89	15.72
FPT	57.10	-1.89%	-2.87	4.22
VPB	24.00	-2.04%	-1.92	36.80
STB	61.80	-1.59%	-1.25	2.31

Top 5 giảm mạnh nhất HOSE

MÃ	GIÁ	%NGÀY	KLGD (TR.CP)
KOS	6.72	-6.93%	0.07
VPG	1.10	-6.78%	0.76
HAS	8.34	-6.71%	0.01
PMG	5.44	-6.53%	0.00
VSI	17.40	-6.20%	0.00

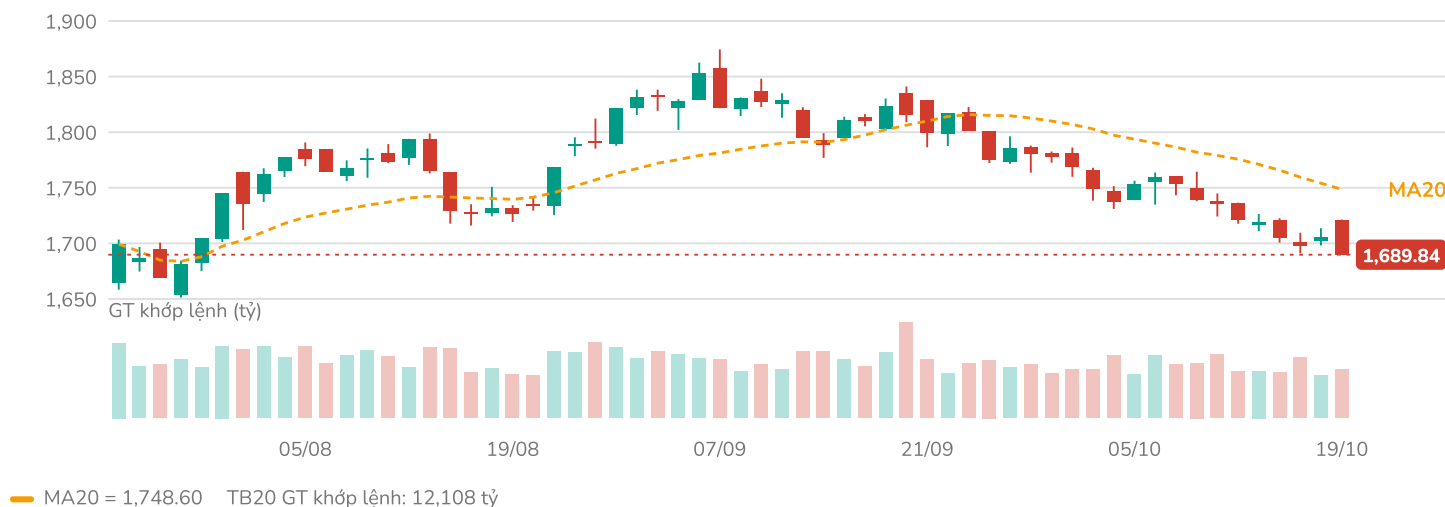
Top 5 giảm mạnh nhất HNX

MÃ	GIÁ	%NGÀY	KLGD (TR.CP)
BAX	27.00	-10.00%	0.00
GLT	22.50	-10.00%	0.00
CAR	35.00	-9.79%	0.00
HTC	29.50	-9.79%	0.00
HJS	25.40	-9.29%	0.00

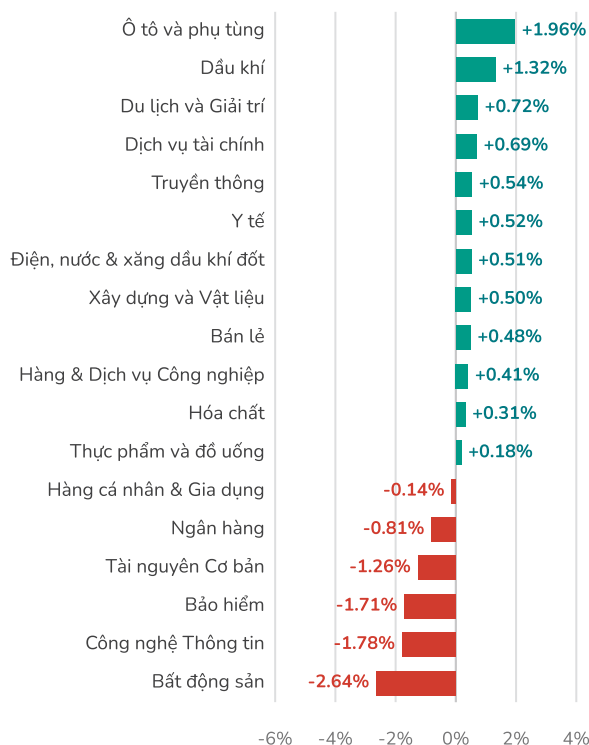
Nguồn: FiinPro-X, Bloomberg, BSC tổng hợp; điểm đóng góp theo Bloomberg (MOV). Giá: nghìn VND.
Top tăng/giảm mạnh nhất chỉ xét các mã có giao dịch trong phiên.
Index pt: số điểm mà từng cổ phiếu đóng góp vào mức tăng/giảm của chỉ số trong phiên (dương là kéo chỉ số tăng, âm là kéo giảm).

Biểu đồ & dòng tiền

VN-Index 60 phiên



Diễn biến ngành cấp 2



Dòng tiền theo ngành & nhóm vốn hoá

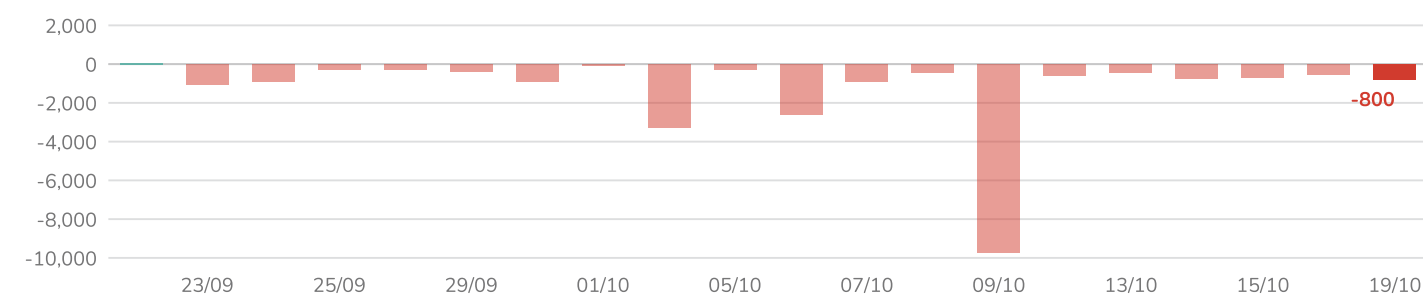
Bảng 1 - Theo ngành Top 10 theo giá trị khối ngoại ròng · tỷ VND

NGÀNH	%1D	GTGD	NN RÒNG
Bán lẻ	+0.48%	511	140.7
Bảo hiểm	-1.71%	117	39.0
Thực phẩm và đồ uống	+0.18%	778	-39.4
Du lịch và Giải trí	+0.72%	383	-42.2
Công nghệ Thông tin	-1.78%	250	-43.0
Tài nguyên Cơ bản	-1.26%	461	-44.0
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	+0.41%	606	-54.9
Dịch vụ tài chính	+0.69%	1,852	-117.4
Bất động sản	-2.64%	2,025	-217.4
Ngân hàng	-0.81%	5,103	-337.2

Bảng 2 - Theo nhóm vốn hoá VN30 · VNMID · VNSML · tỷ VND

NHÓM VỐN HOÁ	%1D	GTGD	NN RÒNG
VN30	-0.87%	7,905	-588.5
VNMID	+0.33%	4,635	-177.9
VNSML	+0.22%	616	-25.7

Khối ngoại ròng HOSE 20 phiên (tỷ VND)



Danh mục BSC30

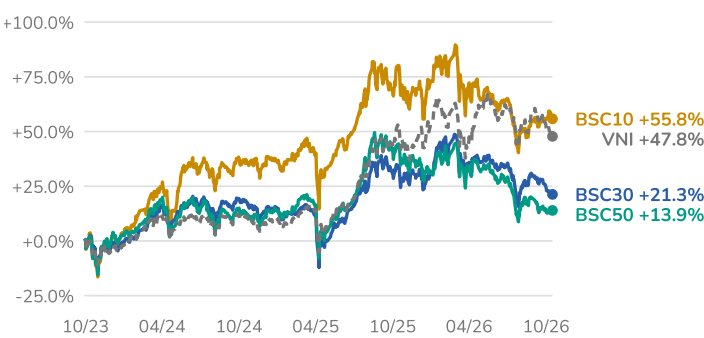
Diễn biến BSC30, BSC50

- BSC30 **-0.15%**. Các mã diễn biến tích cực: [HCM](#) (+1.89%), [SSI](#) (+1.80%), [BSR](#) (+1.76%).
- BSC50 **+0.28%**. Các mã diễn biến tích cực: [TNG](#) (+3.93%), [FRT](#) (+3.55%), [ANV](#) (+3.29%).

HIỆU SUẤT	BSC30	BSC50	VN-INDEX	VN30
1 ngày	-0.15%	+0.28%	-0.94%	-0.87%
1 tuần	-0.15%	+0.28%	-0.94%	-0.87%
1 tháng	-2.23%	-3.04%	-6.10%	-5.84%
3 tháng	+0.34%	-1.49%	-3.08%	-2.55%

Nguồn: BSC, FiinPro-X.

Hiệu suất tích lũy



Nguồn: BSC, FiinPro-X.

MÃ	NGÀNH	GIÁ	%NGÀY	BETA	VỐN HOÁ	GTGD	EPS	P/E	GIÁ MT	NN SH	BC
MWG	Bán lẻ	74.2	+0.41%	1.1	109,497	189.7	6,660	11.1	113.0	49.0%	Link
KBC	Bất động sản	26.0	+0.39%	0.9	24,486	151.3	1,859	14.0	42.4	6.1%	Link
KDH	Bất động sản	14.2	0.00%	1.1	17,467	43.7	1,424	9.9	39.9	23.6%	Link
PDR	Bất động sản	11.2	+0.45%	1.2	11,225	44.3	619	18.2	28.2	7.0%	Link
VHM	Bất động sản	60.3	-1.15%	1.4	495,354	458.3	9,730	6.2	132.6	6.3%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	57.1	-1.89%	0.6	107,675	243.2	5,324	10.7	124.4	27.9%	Link
BSR	Dầu khí	28.9	+1.76%	-	144,461	142.3	3,974	7.3	-	1.6%	Link
PVS	Dầu khí	31.8	+1.27%	1.0	19,516	53.9	3,432	9.3	52.3	15.6%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	24.2	+1.89%	1.1	33,201	69.7	1,308	18.5	-	34.4%	Link
SSI	Dịch vụ tài chính	19.8	+1.80%	1.2	59,426	516.8	1,752	11.3	-	29.9%	Link
VCI	Dịch vụ tài chính	19.1	+0.53%	1.1	21,950	187.4	1,334	14.3	-	15.2%	Link
DCM	Hóa chất	33.9	-0.15%	1.0	17,920	34.4	4,939	6.8	53.3	6.5%	Link
DGC	Hóa chất	33.0	+0.61%	1.1	12,533	6.8	5,603	5.9	96.7	2.7%	Link
ACB	Ngân hàng	20.2	-1.70%	0.7	117,540	367.9	2,701	7.5	27.1	23.1%	Link
BID	Ngân hàng	33.6	-0.88%	0.9	261,737	112.3	4,250	7.9	-	17.4%	Link
CTG	Ngân hàng	30.5	-0.33%	1.0	236,892	562.4	5,172	5.9	53.5	24.5%	Link
HDB	Ngân hàng	22.8	-0.22%	1.0	148,031	385.6	2,942	7.7	32.7	19.4%	Link
MBB	Ngân hàng	19.7	-0.76%	0.9	198,354	257.2	3,226	6.1	32.4	22.4%	Link
MSB	Ngân hàng	14.8	0.00%	0.8	55,411	368.1	1,573	9.4	14.0	6.7%	Link
STB	Ngân hàng	61.8	-1.59%	0.8	116,506	144.6	1,634	37.8	-	10.7%	Link
TCB	Ngân hàng	33.2	+0.15%	1.0	235,617	654.4	3,829	8.7	43.5	20.3%	Link
TPB	Ngân hàng	11.9	-0.42%	1.0	38,122	110.8	2,376	5.0	-	21.7%	Link
VCB	Ngân hàng	56.2	-1.23%	0.9	469,589	244.6	4,984	11.3	-	19.9%	Link
VIB	Ngân hàng	13.8	-0.72%	0.7	51,362	156.7	1,990	6.9	23.0	3.7%	Link
VPB	Ngân hàng	24.0	-2.04%	1.0	240,000	886.3	3,118	7.7	36.5	22.2%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	15.7	-0.32%	1.0	6,746	28.2	2,679	5.8	28.8	1.2%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	72.4	+1.40%	1.0	105,731	301.5	4,627	15.7	100.4	24.3%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	57.5	-0.52%	0.5	120,172	84.1	5,246	11.0	78.0	49.7%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	20.6	-1.67%	1.0	173,503	328.0	2,750	7.5	32.2	21.7%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	10.4	+0.48%	1.0	8,436	25.6	813	12.8	14.3	3.2%	Link

Giá, giá mục tiêu: nghìn VND. Vốn hoá, GTGD: tỷ VND. NN SH: tỷ lệ sở hữu nước ngoài. Nguồn: FiinPro-X, BSC. 30 mã.

Danh mục BSC30 gồm 30 công ty có vốn hoá và thanh khoản lớn nhất trên HOSE, HNX và UPCoM, được các chuyên gia BSC chọn lọc theo tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt. Danh mục được BSC công bố định kỳ hàng quý.

Danh mục BSC50

MÃ	NGÀNH	GIÁ	%NGÀY	BETA	VỐN HOÁ	GTGD	EPS	P/E	NN SH	ROE	BC
DGW	Bán lẻ	45.5	+2.13%	0.9	10,152	46.6	3,780	12.0	29.0%	-	Link
FRT	Bán lẻ	146.0	+3.55%	0.9	26,107	248.2	6,359	23.0	32.9%	-	Link
BVH	Bảo hiểm	70.7	-1.81%	0.9	52,482	115.6	4,472	15.8	27.1%	-	Link
DIG	Bất động sản	9.5	+0.10%	1.1	8,054	46.1	987	9.7	2.5%	-	Link
DXG	Bất động sản	10.2	+0.99%	1.1	12,998	154.0	157	65.4	15.6%	-	Link
HDC	Bất động sản	10.3	0.00%	1.2	2,378	7.2	2,389	4.3	1.3%	-	Link
IDC	Bất động sản	33.9	0.00%	1.0	14,151	36.3	5,201	6.5	14.5%	-	Link
NLG	Bất động sản	21.4	-0.47%	1.0	10,381	19.2	1,407	15.2	35.5%	-	Link
SIP	Bất động sản	48.6	+0.62%	0.9	11,767	1.7	5,867	8.3	2.2%	-	Link
SZC	Bất động sản	17.4	0.00%	0.9	3,132	3.8	887	19.6	1.2%	-	Link
TCH	Bất động sản	11.2	+0.45%	1.2	11,287	62.8	312	36.0	9.7%	-	Link
VIC	Bất động sản	207.0	-3.72%	1.4	1,606,773	452.4	2,752	75.2	3.1%	-	Link
VRE	Bất động sản	23.1	+0.88%	1.2	52,377	52.2	3,191	7.2	11.0%	-	Link
CMG	Công nghệ Thông tin	19.7	-0.25%	1.0	4,588	2.7	1,692	11.7	36.0%	-	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	127.5	0.00%	0.9	98,059	279.1	2,830	45.0	5.3%	-	Link
PLX	Dầu khí	35.1	+0.29%	0.9	45,480	71.1	2,524	13.9	14.5%	-	Link
PVD	Dầu khí	17.7	+0.28%	0.9	16,421	46.9	1,199	14.8	7.9%	-	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	18.4	-1.08%	1.1	7,009	16.1	1,105	16.6	24.7%	-	Link
MBS	Dịch vụ tài chính	15.4	+1.99%	1.1	15,414	56.1	1,562	9.9	0.4%	12.3%	Link
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	22.8	+1.11%	1.5	29,768	245.9	1,049	21.7	6.4%	-	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	54.0	0.00%	1.0	35,064	38.7	3,992	13.5	38.8%	-	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	49.1	+0.41%	0.9	9,419	34.8	6,629	7.4	4.1%	-	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	24.1	+1.90%	0.9	12,458	78.9	2,761	8.7	16.3%	-	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	46.3	-0.86%	0.8	9,347	16.6	2,199	21.1	3.9%	-	Link
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	18.5	-1.60%	1.4	9,467	117.4	4,780	3.9	26.7%	-	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	14.7	0.00%	0.9	1,729	8.7	1,872	7.8	48.1%	-	Link
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	18.5	+3.93%	0.9	2,382	30.3	3,465	5.3	21.7%	-	Link
DPM	Hóa chất	21.2	+0.24%	0.8	14,448	25.8	2,608	8.2	3.2%	-	Link
GVR	Hóa chất	31.4	+0.32%	1.1	125,400	40.1	1,751	17.9	0.6%	-	Link
EIB	Ngân hàng	16.2	-0.61%	1.3	30,269	92.8	264	61.5	1.0%	-	Link
LPB	Ngân hàng	38.5	+1.18%	0.5	114,861	51.3	3,780	10.2	1.5%	-	Link
NAB	Ngân hàng	12.0	-0.83%	0.6	25,906	26.3	2,246	5.3	0.9%	-	Link
OCB	Ngân hàng	10.1	0.00%	0.7	30,778	5.7	1,454	6.9	19.1%	-	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	18.9	+3.29%	1.1	5,019	40.4	3,248	5.8	2.2%	-	Link
BAF	Thực phẩm và đồ uống	30.9	-0.16%	0.5	11,291	27.8	256	120.7	3.8%	-	Link
SAB	Thực phẩm và đồ uống	42.8	-0.47%	0.5	54,894	12.4	3,723	11.5	58.8%	-	Link
VHC	Thực phẩm và đồ uống	51.4	+1.58%	0.8	10,766	21.0	6,485	7.9	17.5%	-	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	10.6	+1.92%	1.0	5,219	34.9	338	31.3	4.4%	-	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	138.0	-1.78%	0.3	11,297	27.6	15,292	9.0	82.3%	41.4%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	63.2	+1.28%	1.1	7,067	25.0	7,050	9.0	46.6%	-	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	67.8	-0.29%	1.0	8,686	5.6	5,110	13.3	5.5%	-	Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	27.6	-0.18%	1.1	3,273	8.5	3,530	7.8	18.4%	-	Link
HHV	Xây dựng và Vật liệu	9.3	-1.79%	0.9	5,360	34.2	1,164	8.0	10.3%	-	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	18.6	-0.27%	0.9	7,629	6.3	2,809	6.6	8.2%	-	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	15.1	-0.66%	0.9	10,508	35.3	5,869	2.6	2.0%	-	Link
VGC	Xây dựng và Vật liệu	44.2	+2.08%	1.0	19,839	12.8	3,174	13.9	1.0%	-	Link
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	76.7	+0.79%	1.1	185,073	41.2	5,269	14.6	2.1%	-	Link
HDG	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	14.8	-1.00%	1.1	6,043	7.6	2,298	6.5	15.8%	-	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	12.2	+0.41%	1.1	37,581	32.9	2,049	6.0	3.9%	-	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	45.0	+0.22%	0.5	28,084	6.9	4,237	10.6	49.0%	-	Link

Giá, giá mục tiêu: nghìn VND. Vốn hoá, GTGD: tỷ VND. NN SH: tỷ lệ sở hữu nước ngoài. Nguồn: FiinPro-X, BSC. 50 mã.

Danh sách các báo cáo BSC đã phát hành gần đây

STT	TÊN BÁO CÁO	PHÂN TÍCH VĨ MÔ	PHÂN TÍCH NGÀNH	LINK BÁO CÁO
1	BSC Navigator 10.2026: Việt Nam – Định hướng điều hành cuối năm	x		Xem
2	BSC Navigator T09.2026: Việt Nam – Định hướng điều hành cuối năm	x		Xem
3	BSC Navigator T08.2026: Việt Nam nằm trong 3 cuộc điều tra Section 301 năm 2026	x		Xem
4	BSC Insight Market Waves – Hoạt động cổ phần hóa, thoái vốn Doanh nghiệp Nhà nước (Kỳ 4)	x		Xem
5	BSC Insight Outlook H2/2026: Thích ứng nhanh chóng & Nắm bắt cơ hội	x		–
6	BSC Navigator T07.2026: Cập nhật kỳ đánh giá phân loại thị trường của MSCI tháng 06/2026	x		Xem
7	BSC Navigator T06.2026: Đánh giá tình hình nhập siêu 5T2026 của Việt Nam	x		Xem
8	BSC Navigator T05.2026: Cập nhật thay đổi tài liệu FAQ v1.2 của FTSE	x		Xem
9	BSC Navigator T04.2026: FTSE Russell xác nhận lộ trình nâng hạng TTCK Việt Nam	x		Xem
10	BSC Insight FTSE Russell chính thức thông báo nâng hạng TTCK Việt Nam (Kỳ 4)	x		Xem
11	BSC Navigator 2026: Cập nhật dự báo Vĩ mô – Thị trường trong bối cảnh căng thẳng leo thang tại Trung Đông	x		Xem
12	Equity 360 BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC Q2.2026: KỶ NGUYÊN TĂNG TRƯỞNG MỚI - SÓNG LỚN HÓA RỒNG		x	Xem
13	BSC Insight Căng thẳng Hoa Kỳ - Israel và Iran	x		Xem
14	BSC Navigator T03.2026: Căng thẳng Hoa Kỳ, Israel - Iran	x		Xem
15	BSC Navigator T02.2026: Thí điểm sàn giao dịch carbon	x		Xem
16	BSC Navigator 2026: Đường dài mới biết ngựa hay	x		Xem
17	Equity 360 BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC 2026: KỶ NGUYÊN TĂNG TRƯỞNG MỚI - SÓNG LỚN HÓA RỒNG		x	Xem
18	BSC Navigator T12.2025: Việt Nam trong chuỗi giá trị AI Hoa Kỳ	x		Xem
19	BSC Navigator T11.2025: Quy hoạch Việt Nam giai đoạn 2026 - 2030	x		Xem
20	BSC Navigator T10.2025: TTCK Việt Nam chính thức được nâng hạng - Dòng tiền khối ngoại tại châu Á	x		Xem
21	BSC Insight Nâng hạng Thị trường Chứng khoán Việt Nam - Cận kề đích đến (Kỳ 3)	x		Xem
22	BSC Navigator T09.2025: Nhìn lại các chu kỳ tăng trưởng của thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Xem
23	BSC Navigator T08.2025: Dòng vốn đầu tư trực tiếp / gián tiếp từ Trung Quốc sang Việt Nam	x		Xem
24	Equity 360 Báo cáo ngành Q3.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Xem

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2026 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Phan Quốc Bửu

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu - Quyền phụ trách
Buupq@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Nguyễn Thị Cẩm Tú

Trưởng nhóm
Ngành – Doanh nghiệp
Tuntc@bsc.com.vn

Đặng Trung

Trưởng nhóm
Định lượng
Trungd@bsc.com.vn

NHÓM VĨ MÔ THỊ TRƯỜNG

Vũ Việt Anh

Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng

Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc

Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 LPB Tower
210 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, TP Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng tổ chức

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng cá nhân

i-center@bsc.com.vn

Khu vực miền Bắc: (024) 39264 660

Khu vực miền Nam: (028) 38218 889

Website: <http://www.bsc.com.vn>